TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-PT
Ngày 18-12-2018.
V/v ly hôn và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử.

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng và Bà Bùi Thị Ngọc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Hải Thịnh – Thư ký Tòa án – Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:*** Bà Đào Thị Óng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Mở phiên tòa ngày 18 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 về việc "*Ly hôn và chia tài sản chung*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2018 /QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐ-PT ngày 30 /11/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Dương Thị T- sinh năm 1965- có mặt.

Địa chỉ: thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư N – Văn phòng Luật sư H – Đoàn luật sư tỉnh Đ. Có mặt.

- **Bị đơn**: Ông Phạm Hữu T– sinh năm 1966. Có mặt.

Địa chỉ: thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư P – Văn phòng Luật sư C – Đoàn luật sư tỉnh Đ. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

+ Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị N – vắng mặt.

Địa chỉ: thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

+ Anh Phan Quốc Đ - vắng mặt; chị Trần Thị Th – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Người làm chứng:

+ Anh Lê Sỹ B - vắng mặt.

Địa chỉ: Bon M, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

+ Anh Trần Ngọc H – có mặt.

Địa chỉ: thôn 4, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

+ Nguyễn Thị Mỹ T – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- Người kháng cáo: Ông Phạm Hữu T - bị đơn.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình điều tra tại cấp sơ thẩm bà Dương Thị T trình bày:

Bà và ông Phạm Hữu T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau ông bà không có con chung. Về tài sản chung: Quá trình chung sống với nhau ông bà đã tạo lập nên 01 thửa đất rẫy cà phê diện tích 1,3 ha mua ngày 06/9/2012 của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị N với giá tiền 295.000.000 đồng, khi mua đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2000m^2. Khoảng tháng 4/2015 ông bà mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và chia tài sản chung trong thời kỳ chung sống với ông T.

Ông Phạm Hữu T trình bày:

Ông bà chung sống với nhau từ năm 2009 không có đăng ký kết hôn và không có con chung. Đối với 01 mảnh đất rẫy 1,3 ha có nguồn gốc do ông mua từ năm 2007 thời điểm đó ông làm công trình ở xã T, sau đó ông về xã E, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk bán diện tích đất là tài sản riêng của ông sau đó ông mua 01 mảnh đất của người đồng bào ở thôn 5, xã T. Lúc mua mảnh đất rẫy này ông và bà T chưa chung sống với nhau tuy nhiên khi đi mua thì có mặt bà T. Đến năm 2010 ông bán diện tích đất rẫy đã mua được 400.000.000 đồng, ông cho bà T 100.000.000 đồng. Khoảng 5 tháng sau ông mua lại diện tích rẫy 1,3 ha của ông D bà N với giá 295.000.000 đồng. Khi mua rẫy này ông có mượn bà T 70.000.000 đồng để trả tiền mua rẫy. Sau khi mua ông trực tiếp đầu tư làm rẫy và đến mùa thu hoạch thì có đóng góp tiền ăn uống cho bà T và chi phí sinh hoạt trong gia đình. Ngày 05/6/2015 ông T và bà T bán ½ diện tích đất rẫy cho vợ chồng anh P và chị Th để trả số tiền 70.000.000 đồng cho bà T. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông T cho rằng bà T đuổi ông T vào rẫy ở từ đó hai bên mới phát sinh mâu thuẫn. Ông xác định không còn tình cảm với bà T nên đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà nhưng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản là mảnh đất rẫy vì đó là tài sản riêng của ông có trước khi sống chung với

bà. Ông T có yêu cầu phản tố yêu cầu bà T trả số tiền nợ 25.000.000 đồng và số tiền ông đã bỏ ra để làm bếp, rào, cổng nhà bà T ở thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trong thời gian sống chung.

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Năm 2012 vợ chồng ông bà bán cho ông T bà T diện tích rẫy 1,3 ha trong đó có 02 sào đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông với số tiền là 295.000.000 đồng. Năm 2014 ông T đo lại đất thì còn có khoảng 1,2 ha nên có nói vợ chồng tôi bớt cho ông 26.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tờ tay với nhau sau đó lên xác nhận. Nguyên nhân có 02 giấy chuyển nhượng rẫy càphê là vì lúc đầu mua bán chuyển nhượng thì chỉ lập 1 giấy ông bà viết rồi giao cho ông T, bà T giữ ông bà chỉ cầm giấy phô tô. Sau này ông T làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T có nhờ chúng tôi viết lại và ký một mình ông T là người mua, giấy tờ này không có xác nhận của xã. Khi chuyển nhượng diện tích đất trên thì có 08 sào đã trồng cà phê, 04 sào còn trống. Sau khi chuyển nhượng thì ông T và bà T đều canh tác và thu hoạch trên đất, ông bà khẳng định mặc dù hiện nay mua bán giấy viết tay với nhau nhưng ông bà vẫn đồng ý chuyển nhượng cho ông T bà T và không có ý kiến gì.

Anh P và chị Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 05/6/2015 tôi có nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Hữu Tvà bà Dương Thị Tdiện tích đất khoảng 06 sào tại thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông với giá 270.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại nhà bà T nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Khi chuyển nhượng thì ông T là người chuyển nhượng viết giấy và ký tên còn bà T không ký nhưng là người nhận đếm tiền, sau khi nhận chuyển nhượng anh chị sử dụng và thu hoạch được 03 mùa cà phê, anh chị không đồng ý yêu cầu của bà T.

Anh H và anh Lê Sỹ B là những người làm chứng trình bày:

Các anh được anh Đ nhờ đến nhà bà T để chứng kiến việc mua bán đất giữa ông T và anh Đ, khi anh Đ đến nhà bà T ở thôn 1, xã T, huyện Đ thì có ông T và anh Đ là người mua bán với nhau người nhận tiền là bà T.

Chị Nguyễn Thị Mỹ T là con riêng của bà Dương Thị T trình bày:

Chị không nhận tiền gì từ ông Phạm Hữu T và không biết việc mua bán rẫy giữa ông T và anh Đ vì thời gian này chị đi học không có ở nhà, năm 2014 chị lấy chồng và sinh sống tại nhà chồng ở Đăk Lăk từ đó đến nay.

- Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2018/HNGĐ-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định: Căn cứ khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 244; Điều 143; Điều 147; Điều 264; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS; Điều 219 BLDS. Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 16; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị T và ông Phạm Hữu T.

2. Về tài sản chung: Chia cho bà Dương Thị T phần diện tích ông Phạm Hữu T

hiện đang sử dụng có diện tích 6.049,8m^2 một phần diện tích đất thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 18, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 659572 mang tên ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị N, một phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có T cận: phía Nam giáp đường đi chung và đất ông Tr; phía Bắc giáp đất chia cho ông T; phía Đông giáp suối cạn dài; phía Tây giáp đất Th và toàn bộ tài sản trên đất bao gồm: 01 ngôi nhà mái tôn, nền xi măng, tường xây gạch diện tích 27m^2; 01 chái bếp diện tích 11m^2; 01 bể nước diện tích 1,3 mx 1,9m; 633 cây cà phê trồng năm 2013; 50 cây muồng đen trồng năm 2010; 159 cây muồng đen trồng năm 2013; 503 cây muồng đen trồng năm 2015 các cây muồng đã có tiêu bám; 06 cây sầu riêng trồng năm 2013; 24 cây mít trồng năm 2013; 03 cây điều trồng năm 2012; 02 cây xoài trồng năm 2012; 08 cây keo thường trồng năm 2014; 01 cây bơ trồng năm 2010; đất và toàn bộ tài sản trên đất có giá trị 552.035.800 đồng.

Chia cho ông Phạm Hữu T phần diện tích đất ông Phạm Hữu T đã chuyển nhượng cho anh Đ, chị Th có diện tích 6.049,8m^2, một phần diện tích đất thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 18, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 659572 mang tên ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị N, một phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có T cận: phía Nam giáp đất chia cho bà T; phía Bắc giáp đất ông D bà N; phía Đông giáp suối cạn dài; phía Tây giáp đất Th và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 414 cây cà phê trồng năm 2013, 74 cây muồng đen trồng năm 2013, 292 cây muồng đen trồng năm 2015 các cây muồng đã có tiêu bám, 02 cây xoài trồng năm 2012, 01 cây bơ trồng năm 2010, 03 cây sầu riêng trồng năm 2013. Đất và toàn bộ tài sản trên đất có giá trị 468.576.000 đồng (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2017).

Tổng giá trị tài sản chung là 1.020.611.800 đồng, mỗi người nhận ½ tương ứng giá trị tài sản là 510.305.900 đồng. Do bà T nhận tài sản có giá trị 552.035.800 đồng, ông T nhận 468.576.000 đồng nên bà T trả lại tiền chênh lệch cho ông T 41.729.900 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Phạm Hữu Tvề việc buộc bà Dương Thị T trả số tiền 45.000.000 đồng làm nhà bếp, tường rào, công trình phụ và số tiền 25.000.000 đồng.

4. Anh Đ và chị Th được quyền khởi kiện ông Phạm Hữu T về vụ án khác liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản số tiền 8.214.000 đồng, mỗi bên phải chịu ½, bà Dương Thị T đã nộp tạm ứng nên khấu trừ số tiền bà T đã nộp và buộc ông Phạm Hữu T phải trả cho bà T 4.107.000 đồng.

6. Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là 24.412.000 đồng, tổng cộng là 24.712.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp

3.950.000 đồng theo biên lai số 0001966 ngày 04/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, bà T còn phải nộp 20.762.000 đồng.

Ông Phạm Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là 24.412.000 đồng.

- Ngày 03/10/2018 ông Phạm Hữu T có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần chia tài sản chung.

- Ngày 04/10/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã ra quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị hủy phần chia tài sản chung tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2018/HNGĐ-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông T nêu nội dung tài liệu, chứng cứ đã đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của BLTTDS hủy phần chia tài sản chung của bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà T đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông phát biểu quan điểm: Về thủ tục, thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung đánh giá tài liệu, chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 của BLTTDS hủy phần chia tài sản chung bản án sơ thẩm số 24/2018/HNGĐ-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song; chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra giải quyết lại.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Phạm Hữu T kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đ kháng nghị trong thời hạn luật định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Phạm Hữu T, kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đ thì thấy:

[3] Về chia tài sản: Ngày 13/9/2012 ông Phạm Hữu T và bà Dương Thị T mua chung của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị N 01 mảnh đất rẫy khoảng 1,3 ha đất tọa lạc tại thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, khi mua có viết giấy tay, trong giấy này thể hiện chữ ký của cả bà T và ông T và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ xác nhận. Ngoài ra lời khai của ông Dũng, bà Năm xác nhận bán rẫy cho ông T, bà T và việc ông T bà T đều thừa nhận ông bà sống chung với nhau như vợ chồng thời gian từ năm 2009. Căn cứ chứng cứ chứng minh thì đây là tài sản chung của ông T, bà T.

Ngày 05/6/2015 thửa đất mua của ông D, bà N được chuyển nhượng một nửa diện tích cho ông Đ và bà Th với giá 270.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng có ông Đ, bà Th với ông T ký và có sự làm chứng của Lê Sỹ B và Trần Anh S. Theo

ông T, ông Đ, bà Th thì bà T giới thiệu ông Đ, bà Th đến mua rẫy, vì bà T dạy cùng trường với bà Th. Bà T soạn thảo hợp đồng tại nhà và đếm số tiền 270.000.000 đồng của ông Đ, bà Th giao nhưng không ký vào hợp đồng vì bà T nói rằng bà và ông T ai ký cũng được. Ngược lại bà T khai việc chuyển nhượng ½ diện tích đất cho ông Đ, bà Th, bà T hoàn toàn không biết.

Từ khi chuyển nhượng đến nay ông Đ, bà Th là người canh tác, thu hoạch diện tích đất chuyển nhượng. Lời khai của đương sự mâu thuẫn, Tòa án cấp sơ thẩm không đối chất giữa bà T với ông Đ, bà Th, đối chất với người làm chứng; không lấy lời khai ông Lê Sỹ B và Trần Anh S. Tuy chưa làm rõ nhưng án sơ thẩm chia diện tích rẫy cà phê đã bán cho ông Đ, bà Th cho ông T là không đúng.

Theo đơn khởi kiện của bà T, tháng 5/2015 bà T và ông T đã mâu thuẫn.Tại phiên tòa bà T xác định sau khi mâu thẫn ông T không cho bà T chăm sóc, thu hoạch rẫy. Tài liệu ông T cung cấp (BL 133-144), từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2017 ông T là người mua vật tư, phân bón chăm sóc cà phê, tại đại lý T, cần làm rõ số tiền chăm sóc cà phê là vốn chung hay vốn riêng để xem xét công sức đóng góp của mỗi người khi phân chia tài sản.

Phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên: Chia cho bà Dương Thị T phần diện tích ông Phạm Hữu T hiện đang sử dụng có diện tích 6.049,8m^2, một phần diện tích đất thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 18, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 659572 mang tên ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị N; một phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có T cận: phía Nam giáp đường đi chung và đất ông Tr; phía Bắc giáp đất chia cho ông T; phía Đông giáp suối cạn dài; phía Tây giáp đất Th và toàn bộ tài sản trên đất bao gồm: 01 ngôi nhà mái tôn, nền xi măng, tường xây gạch diện tích 27m^2; 01 chái bếp diện tích 11m^2; 01 bể nước diện tích 1,3 m x 1,9 m; 633 cây cà phê trồng năm 2013; 50 cây muồng đen trồng năm 2010; 159 cây muồng đen trồng năm 2013; 503 cây muồng đen trồng năm 2015 các cây muồng đã có tiêu bám; 06 cây sầu riêng trồng năm 2013; 24 cây mít trồng năm 2013; 03 cây điều trồng năm 2012; 02 cây xoài trồng năm 2012; 08 cây keo thường trồng năm 2014; 01 cây bơ trồng năm 2010; đất và toàn bộ tài sản trên đất có giá trị 552.035.800 đồng.

Chia cho ông Phạm Hữu T phần diện tích đất ông Phạm Hữu T đã chuyển nhượng cho anh Phan Quốc Đ, chị Trần Thị Th có diện tích 6.049,8m^2, một phần diện tích đất thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 18, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 659572 mang tên ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị N, một phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có T cận: phía Nam giáp đất chia cho bà T; phía Bắc giáp đất ông D bà N; phía Đông giáp suối cạn dài; phía Tây giáp đất Th và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 414 cây cà phê trồng năm 2013, 74 cây muồng đen trồng năm 2013, 292 cây muồng đen trồng năm 2015 các cây muồng đã có tiêu bám, 02 cây xoài trồng năm 2012, 01 cây bơ trồng năm 2010, 03 cây sầu riêng trồng năm 2013. Đất và toàn bộ tài sản trên đất có giá trị 468.576.000 đồng.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2017 thì tổng diện tích đất là 12.049,8 m^2, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chia cho bà Dương Thị T và ông Phạm Hữu T mỗi người ½ diện tích đất là 6.049m^2, tuy nhiên khi cộng diện tích được chia của

ông T, bà T là 12.098m^2 diện tích này lớn hơn so với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2017 là vi phạm Điều 97 của BLTTDS.

Hơn nữa ngày 13/01/2017 khi xem xét thẩm định tại chỗ số tài sản trên diện tích đất chưa chuyển nhượng gồm có 633 cây cà phê loại A trồng năm 2013; 50 cây muồng đen trồng năm 2010; 85 cây muồng đen trồng năm 2013; 211 cây muồng đen trồng năm 2015; 03 cây sầu riêng trồng năm 2013; 24 cây mít trồng năm 2013; 03 cây điều trồng năm 2012; 08 cây keo thường trồng năm 2014, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chia cho bà T diện tích đất là 6.049,8m^2 nhưng tài sản trên đất lại nằm trên toàn bộ diện tích đất Tc là giao cho bà T cả số tài sản trên đất chia cho ông T cụ thể trên đất chưa chuyển nhượng chỉ có 85 cây muồng đen trồng năm 2013 nhưng lại giao cho bà T 159 cây muồng đen trồng năm 2013, 211 cây muồng đen trồng năm 2015 nhưng lại giao 503 cây, 03 cây sầu riêng nhưng lại giao 06 cây, không có cây xoài nhưng lại giao 02 cây, bơ không có lại giao 01 cây bơ. Như vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung cho ông Phạm Hữu T và bà Dương Thị T là không đúng, mâu thuẫn với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2017 là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hữu Tvà đề nghị của luật sư bị đơn. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy phần chia tài sản chung tại bản án số 24/2018/HNGĐ-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra giải quyết lại theo thủ tục chung.

Các nội dung khác không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục giữ nguyên có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Phạm Hữu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông phạm Hữu T, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, hủy phần chia tài sản chung tại bản án sơ thẩm số 24/2018/HNGĐ-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra giải quyết lại theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 148 BLTTDS; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông Phạm Hữu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004451 ngày 03/10/2018 tại Chi cục thi hành án huyện Đăk Song.

Các nội dung khác không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký
Nguyễn Tài Sử